ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 624 /QĐ-SYT	*Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 06 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược, Giấy chứng nhận Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc, đợt 28 năm 2019

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế Quy định Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật Dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt;

Căn cứ Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ hồ sơ và Biên bản đánh giá Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc;

Xét đề nghị của Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ, Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược và Giấy chứng nhận đạt Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc, đợt 28 năm 2019 cho 16 cơ sở theo danh danh sách đính kèm Quyết định.

Điều 2. Các cơ sở kinh doanh dược có tên tại Điều 1 phải thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật về dược có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Nghiệp vụ, Thanh tra Sở Y tế, Phòng Y tế huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Các PGĐ SYT;
- Cục Quản lý thị trường;
- Phòng KHTC (đăng Website SYT);
- Lưu: VT, NV.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Phạm Minh An

Ký bởi: Phạm Minh An
Cơ quan: Sở Y tế, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Thời gian ký:
2019-08-06T10:53:19Z+07:00

PHỤ LỤC:

DANH SÁCH CƠ SỞ KINH DOANH DƯỢC
CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DƯỢC
VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT THỰC HÀNH TỐT CƠ SỞ BÁN LẺ THUỐC - ĐỢT 28 NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Quyết định số 624 /QĐ-SYT, ngày 06/8/2019 của Sở Y tế)

Stt	Họ và tên		Năm sinh	TĐCM	Số CCHND	Ngày cấp CCHND	Số GCN ĐKKDD	Ngày cấp GCNĐKKDD	Số GCN GDP/GPP	Ngày cấp GCN GDP/GPP	Loại hình	Tên cơ sở	Địa chỉ kinh doanh		Hiệu lực của GDP/GPP	Ghi chú
1	Lê Duy	Anh	20/04/1987	DSTC	1055/BRVT-CCHND	06/06/2016	911	25/8/2016	544	06/8/2019	QT	Tiến Doan	Chợ Láng Lớn, xã Láng Lớn	Châu Đức	05/8/2022	*
2	Trịnh Văn	Anh	01/09/1975	DS	1091/BRVT-CCHND	30/06/2016	909	25/8/2016	121	06/8/2019	NT	Nguyễn Lê	216 Nguyễn Thanh Đằng, phường Phước Hiệp	Bà Rịa	05/8/2022	*
3	Trần Thị Minh	Châu	30/07/1986	DS	1810/CCHN-D-SYT-BRVT	20/06/2019	1421	06/8/2019	1266	06/8/2019	NT	Quang Phát	Số 46 đường Lê Quý Đôn, phường Phước Trung	Bà Rịa	05/8/2022	
4	Phan Thị Ngọc	Diệu	01/09/1987	DS	1122/BRVT-CCHND	14/07/2016	199	17/10/2016	14	06/8/2019	NT	Bảo Khang	Số 304 đường Phan Văn Trị, tổ 7, khu phố Kim Sơn, phường Kim Dinh	Bà Rịa	05/8/2022	*
5	Trần Phước	Duy	01/03/1992	DS	4310/CCHN-D-SYT-HCM	24/04/2019	1422	06/8/2019	1267	06/8/2019	NT	Lê Huyền	56 đường Cô Bắc, Phường 4	Vũng Tàu	05/8/2022	
6	Nguyễn Thị	Hành	18/07/1983	DSTH	623/BRVT-CCHND	12/06/2015	61	30/7/2013	849	06/8/2019	QT	Thu Hành	Ô 2, ấp Bắc I, xã Hòa Long	Bà Rịa	05/8/2022	*
7	Nguyễn Thị Kim	Hương	20/04/1993	DSTH	934/BRVT-CCHND	24/03/2016	867	21/7/2016	843	06/8/2019	QT	Kim Hương	03/1, tổ 1, ấp 3, xã Bưng Riềng	Xuyên Mộc	05/8/2022	*
8	Đặng Hoàng	Long	12/05/1985	DS	4767/HCM-CCHND	02/10/2015	706	01/01/2017	740	06/8/2019	NT	Phòng khám đa khoa Quốc tế Thế Giới Mới	20 Trần Hưng Đạo, Phường 1	Vũng Tàu	05/8/2022	*
9	Trần Thị Tuyết	Nhung	02/11/1970	DSTC	1792/CCHN-D-SYT-BRVT	22/04/2019	1423	06/8/2019	1268	06/8/2019	QT	Thùy Linh	Tổ 5, ấp Bình Trung, xã Bình Châu	Xuyên Mộc	05/8/2022	
10	Đoàn Thị	Tể	04/11/1984	DSTH	210/BRVT-CCHND	25/01/2014	393	06/8/2019	286	06/8/2019	QT	Medic Sài Gòn 3	Số 19, tổ 1, ấp Hải Sơn, xã Phước Hưng	Long Điền	21/3/2021	*
11	Phạm Hồng	Thắm	14/07/1983	DSTC	0278/BD-CCHND	31/10/2013	895	02/8/2016	860	06/8/2019	NT	Đăng Khôi	114 Nguyễn Thiện Thuật, phường Thắng Nhất	Vũng Tàu	05/8/2022	*
12	Phạm Thiên	Thư	31/10/1982	DS	1132/BRVT-CCHND	14/07/2016	1398	06/9/2019	1243	06/8/2019	NT	Bình An	Số 372, Hùng Vương, khu phố 1, phường Long Tâm	Bà Rịa	02/6/2021	*
13	Lê Thị	Thuận	10/07/1987	DSTH	363/BRVT-CCHND	01/08/2014	888	27/7/2016	851	06/8/2019	QT	Kim Ngân	Ấp Phước Tân 1, xã Tân Hưng	Bà Rịa	05/8/2022	*

Stt	Họ và tên		Năm sinh	TĐCM	Số CCHND	Ngày cấp CCHND	Số GCN ĐKKDD	Ngày cấp GCNĐKKDD	Số GCN GDP/GPP	Ngày cấp GCN GDP/GPP	Loại hình	Tên cơ sở	Địa chỉ kinh doanh		Hiệu lực của GDP/GPP	Ghi chú
14	Lê Thị	Thủy	15/05/1989	DSTH	0719/BD-CCHND	13/11/2014	1424	06/8/2019	1269	06/8/2019	QT	Dược Thảo Dụ	Tổ 12, ấp Đức Trung, xã Bình Ba	Châu Đức	05/8/2022	
15	Nguyễn Thị	Vẽ	13/09/1993	DSTH	953/BRVT-CCHND	20/04/2016	822	06/6/2016	817	06/8/2019	QT	Ly Ly	Tổ 6, ấp Phú Hòa, xã Hòa Hiệp	Xuyên Mộc	05/8/2022	*
16	Trần Thị Hoàng	Yến	07/07/1993	DS	1760/CCHN-D-SYT-BRVT	15/11/2018	1425	06/8/2019	1270	06/8/2019	NT	Thiên Ân	Số 10B đường Trần Hưng Đạo, phường Phước Hiệp	Bà Rịa	05/8/2022	

Ghi chú: 16 cơ sở

(*): Cấp lại

- DS: Dược sĩ; DSTC: Dược sĩ trung cấp; DSTH: Dược sĩ trung học; NT: Nhà thuốc; QT: Quầy thuốc.

- Phạm vi kinh doanh:

+ NT: Mua và bán lẻ thuốc; trừ vắc xin

+ QT: Mua và bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc thiết yếu và Danh mục thuốc không kê đơn, trừ vắc xin;

+ Trường hợp QT mua, bán thuốc thuộc Danh mục thuốc phải kiểm soát đặc biệt và Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ phải được Sở Y tế chấp thuận bằng văn bản;

- Nhà thuốc Bình An: Mua và bán lẻ thuốc, bao gồm thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất và thuốc có dược chất thuộc danh mục cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực; trừ vắc xin.

Stt	Họ và tên	Năm sinh	TĐCM	Số CCHND	Ngày cấp CCHND	Số GCN ĐKKDD	Ngày cấp GCNĐKKDD	Số GCN GDP/GPP	Ngày cấp GCN GDP/GPP	Loại hình	Tên cơ sở	Địa chỉ kinh doanh	Hiệu lực của GDP/GPP	Ghi chú

Stt	Họ và tên	Năm sinh	TĐCM	Số CCHND	Ngày cấp CCHND	Số GCN ĐKKDD	Ngày cấp GCNĐKKDD	Số GCN GDP/GPP	Ngày cấp GCN GDP/GPP	Loại hình	Tên cơ sở	Địa chỉ kinh doanh	Hiệu lực của GDP/GPP	Ghi chú